

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 36/ĐÌNH BÁCH/2020

I. Thông tin về tổ chức cá nhân công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH**

Địa chỉ: 01 Lê Quang Định, Phường 13, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.668.10416

Email: honghanh@dingbach.com

Mã số doanh nghiệp: 0312627075

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **Dụng cụ hút sữa Pur (Pur Milk Extractor).**

2. Thành phần: thân bằng nhựa PP, đầu bóp bằng cao su TPE.

3. Hạn sử dụng: Không áp dụng với sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong hộp carton chất lượng cao, bảo đảm vệ sinh và an toàn khi vận chuyển.

- Quy cách bao gói: 01 cái/hộp.

5. Tên và địa chỉ nhà sản xuất:

- Tên nhà sản xuất: Royal Industries (Thailand) Public Company Limited.

- Địa chỉ: 126 Moo 6, Sethakij 1 Road, Omnoi, Krathumban, Samutsakorn 74130, Thailand.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số:

- QCVN 12-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp.

- QCVN 12-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng cao su.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Kim Tùng

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: thành phẩm.
- Màu sắc: trắng trong, hồng.
- Mùi vị: không.

1.2. Các chỉ tiêu về mức phơi nhiễm đối với phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm làm bằng nhựa PP.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Kim loại nặng trong dung dịch ngâm thôi là Acid acetic 4% với thời gian 30 phút ở nhiệt độ 60 độ C	$\mu\text{g/ml}$	1
2	Lượng KMnO_4 sử dụng trong dung dịch ngâm thôi là nước với thời gian 30 phút ở nhiệt độ 60 độ C.	$\mu\text{g/ml}$	10
3	Cặn khô trong dung dịch ngâm thôi là Heptan với thời gian 1 giờ ở nhiệt độ 25 độ C.	$\mu\text{g/ml}$	30
4	Cặn khô trong dung dịch ngâm thôi là nước với thời gian 30 phút ở nhiệt độ 60 độ C.	$\mu\text{g/ml}$	30

1.3. Các chỉ tiêu về thử vật liệu đối với phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm làm bằng nhựa PP.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì	$\mu\text{g/g}$	5
2	Hàm lượng cadmin	$\mu\text{g/g}$	5

1.4. Các chỉ tiêu về mức phơi nhiễm đối với phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm làm bằng cao su TPE.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Phenol trong dung dịch ngâm thôi là nước với thời gian 30 phút ở nhiệt độ 60 độ C.	$\mu\text{g/ml}$	5
2	Formaldehyd trong dung dịch ngâm thôi là nước với thời gian 30 phút ở nhiệt độ 60 độ C.	-	Âm tính
3	Kẽm trong dung dịch ngâm thôi là Acid acetic 4% với thời gian 30 phút ở nhiệt độ 60 độ C.	$\mu\text{g/ml}$	1
4	Kim loại nặng trong dung dịch ngâm thôi là Acid acetic 4% với thời gian 30 phút ở nhiệt độ 60 độ C.	$\mu\text{g/ml}$	1
5	Cặn khô trong dung dịch ngâm thôi là nước với thời gian 30 phút ở nhiệt độ 60 độ C	$\mu\text{g/ml}$	5

6	Cặn khô trong dung dịch ngâm thối là Acid acetic 4% với thời gian 30 phút ở nhiệt độ 60 độ C.	$\mu\text{g/ml}$	5
7	Cặn khô trong dung dịch ngâm thối là ethanol 20 % với thời gian 30 phút ở nhiệt độ 60 độ C.	$\mu\text{g/ml}$	5

1.4 Các chỉ tiêu về thử vật liệu đối với phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm làm bằng cao su TPE.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì	$\mu\text{g/g}$	5
2	Hàm lượng cadmin	$\mu\text{g/g}$	5

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Kim Tùng

MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Dụng cụ hút sữa Pur (Pur Milk Extractor)

Số tự công bố: 36/ĐÌNH BÁCH/2020

(MS: 6205)

Quy cách bao gói: 01 cái/hộp.

Thành phần cấu tạo: thân bằng nhựa PP, đầu bóp bằng cao su TPE
Sản phẩm không chứa BPA

Hướng dẫn sử dụng: dùng để hút sữa.

Cách giữ vệ sinh, tiệt khuẩn:

Trong lần sử dụng đầu tiên: tháo rời các bộ phận và rửa sạch bằng dung dịch rửa bình sữa.

Sử dụng được trong máy rửa chén (ngăn trên cùng).

Không được dùng miếng cọ nồi để chà rửa dụng cụ để tránh trầy xước.

Hong khô hoặc lau khô các bộ phận, sau đó lắp ráp lại.

Truyền thông vì cộng đồng: "Thực hiện đúng hướng dẫn vệ sinh, tiệt khuẩn.

Việc sử dụng bình bú có thể làm cho trẻ bỏ bú mẹ và có nguy cơ bị tiêu chảy.

Sử dụng vú ngâm nhân tạo ảnh hưởng không tốt tới việc nuôi trẻ bằng sữa mẹ".

Xuất xứ: Thái Lan

Nhà sản xuất: Royal Industries (Thailand) Public Company Limited.

Địa chỉ: 126 Moo 6, Sethakij 1 Road, Omnoi, Krathumban, Samutsakorn 74130, Thailand.

Nhà nhập khẩu: Công ty TNHH Đình Bách;

Địa chỉ: 01 Lê Quang Định, Phường 13, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh;

ĐT: 028.668.10416

Email: info@dingbach.com; Website: www.purvietnam.com

Nhà phân phối: Công ty TNHH PP&DV Hùng Cường

Địa chỉ: E6/36A Thới Hòa, Ấp 5, Xã Vĩnh Lộc A,

Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.7300.9888

Ngày sản xuất: xem "MFG" trên bao bì

Hạn sử dụng: 5 năm kể từ ngày sản xuất

Tp Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2020

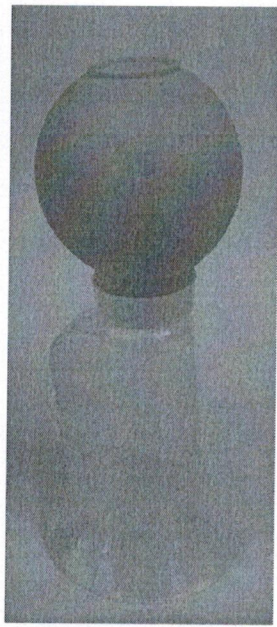
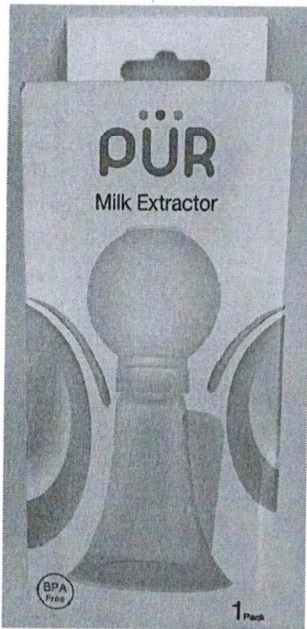
CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Tùng



PÜR: Pure

P **Pampering**
PÜR pays special attention to the quality and design of our products. We want to help parents raise their child with as much comfort as possible.

U **Understanding**
Every Product that PÜR develops, is done so with great insight as we collaborate with experienced parents to deliver the best products to suit our customers.

R **Reliable**
PÜR puts all of our products through rigorous tests to certify that it functions perfectly and that its safe for parents and child.

314BB

Ref. no. 6205

www.purbrands.com

is trademark of Royal Industries (Thailand) Pte.
126 Moo 6 Sanituk 1 Rd. Ormai, Klongkum, Bangkok 10110
E-mail: customer.service@purbrands.com
MADE IN THAILAND

Like us at purbaby or purbrands

8 850596 962051

Royal Industries (Thailand) PCL 2018 PÜR is a registered trademark in USA and

PÜR
Milk Extractor

It is ideal for extracting the residual milk that the baby has not sucked during breastfeeding and that must be eliminated, Or for emptying the breast in case of milk residues.

- Clean and dry before each use.

Features :

- Easy and fast use.
- Comfortable use with breast and perfect adherence.

Other Breast Feeding Accessories

- Breast milk storage bags
- Silicone breast shields
- Washable breast pads
- Nipple puller

Breast feeding
is always best for your baby, but not always possible.

KT3-02857AHD0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

05/06/2020
Page 01/04

1. Tên mẫu : DỤNG CỤ HÚT SỮA PUR
Name of sample (PUR MILK EXTRACTOR)
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Description (xem hình trang 04/04/ see picture on page 04/04)
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 27/05/2020
Date of receipt
5. Thời gian thử nghiệm : 28/05/2020 – 05/06/2020
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH
Customer 01 Lê Quang Định, P.13, Q.5, TP. Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem các trang tiếp theo
Test results Refer to next pages

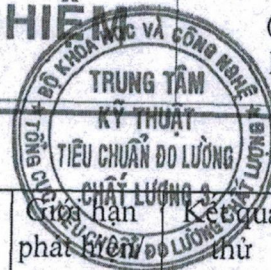
P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.


Nguyễn Thị Thùy Nhi

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Phạm Thị Trung



A- PHẦN MÀU TRẮNG

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of detection	Kết quả thử nghiệm/ Test result	Mức yêu cầu/ require ment (*)
7.1 Định danh nhựa bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ <i>Identification of polymer by infrared spectroscopy method</i>	-	ASTM E 1252 - 98	-	Poly-propylene	-
<u>THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST</u>					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadimi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
<u>THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST</u>					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO₄ consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng cặn khô / <i>Evaporation residue</i>		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL		5,0	14,5	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

Ghi chú/ Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(*) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT / *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT*

KPH/ND : Không phát hiện/ *Not detected*

**B- PHẦN MÀU HỒNG**

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn/ phát hiện/ <i>limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu/ <i>Requirement</i> (*)
7.1 Định danh cao su bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ <i>Identification of rubber by infrared spectroscopy method</i>	-	ASTM E 1252 - 98	-	Styrene ethylene propylene styrene copolymer (**)	
<u>THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST</u>					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-2 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadimi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-2 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.4 Thử 2-Mercapto imidazoline / 2-Mercapto imidazoline test	-	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	N/A	Âm tính <i>Negative</i>
<u>THỬ NGẮM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST</u>					
7.5 Hàm lượng phenol trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Phenol content in water after 30 min at 60 °C,</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	< 5	≤ 5
7.6 Thử formaldehyde trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Formaldehyde test in water after 30 min at 60 °C,</i>	-	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	Âm tính <i>Negative</i>	Âm tính <i>Negative</i>
7.7 Hàm lượng kẽm trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Zinc content in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C,</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 15
7.8 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals (as Pb) in 4% acetic acid after 30 min at 60 °C,</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	< 1,0	≤ 1
7.9 Hàm lượng cặn khô / <i>Evaporation residue,</i>		QCVN 12-2 : 2011/BYT			
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C,</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 60
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C,</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 60
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 60

**Ghi chú/ Note:**

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(*) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-2 : 2011/BYT / *According to Technical specification of QCVN 12-2 : 2011/BYT*

(**) Mẫu có chứa CaCO_3 / *Sample contains CaCO_3*

KPH/ND : Không phát hiện/ *Not detected*

(N/A) - Không áp dụng / *Not applicable*

